

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh X, sinh năm 1990 . Vắng mặt

Trú tại: Tổ 2, ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Anh Bùi Huy T, sinh năm 1984. Vắng mặt

Trú tại: Tổ 2, ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh X trình bày:

Chị chị X và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2012. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh Tân ham chơi, không lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị X và anh T có 01 người con tên Bùi Ngọc Cẩm T1 – sinh năm 2012. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Trong quá trình giải quyết anh T không đến Tòa án nên không thu thập được ý kiến của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X về việc ly hôn với anh T, giao con chung cho chị X nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Thanh X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Huy T cư trú tại xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh T và chị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do, chị X có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh T, chị X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh X thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn tại đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ thấy rằng: chị X và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2012. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham chơi, không lo làm ăn, không lo cho vợ con khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2019, chị X và anh T đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Nay hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị X yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị X và anh T có 01 người con tên Bùi Ngọc Cẩm T1 – sinh năm 2012. Khi ly hôn, chị X yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T không thể hiện có nguyện vọng muốn nuôi con chung. Xét thấy chị X có đủ điều kiện để nuôi cháu T1, cháu T1 hiện nay đang do chị X chăm sóc và có nguyện vọng được sống với chị X nên cần chấp nhận yêu cầu của chị X về việc giao cho chị X được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị X không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh X và anh Bùi Huy T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 27/6/2012 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Bùi Ngọc Cẩm T1 – sinh năm 2012 cho chị Lê Thị Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh X phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002294 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Minh Hải